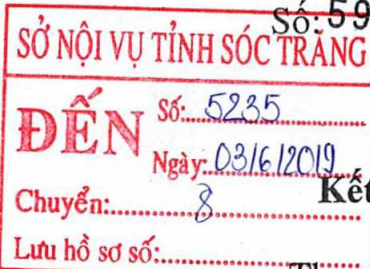


Số: 59/BC-TTr

Sóc Trăng, ngày 31 tháng 5 năm 2019



## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2019

Thực hiện Kế hoạch số 128/KH-UBND, ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2019, Thanh tra tỉnh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

#### **I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC**

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án về CCHC của tỉnh

Không phát sinh.

2. Tình hình tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC liên quan đến ngành triển khai trên địa bàn tỉnh

Không phát sinh.

3. Tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC

- Đã ban hành Kế hoạch số 06/KH-TTr ngày 14/02/2019 về Hoạt động kiểm soát TTHC năm 2018.

- Đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-TTr ngày 14/02/2019 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2018.

- Đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-TTr ngày 25/01/2019 về việc thực hiện cải cách hành chính năm 2019, nội dung kế hoạch bám sát các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 128/KH-UBND, ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2019, đến thời điểm hiện nay đơn vị đã triển khai, thực hiện thông qua các cuộc họp cơ quan, họp lệ của các phòng chức năng; nhìn chung tất cả cán bộ, công chức cơ quan Thanh tra tỉnh đều nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ bám sát nội dung kế hoạch đề ra.

- Kế hoạch số 10/KH-TTr ngày 15/02/2019 về ứng dụng CNTT trong hiện đại hóa nền hành chính tại đơn vị.

- Kế hoạch số 12/KH-TTr ngày 19/02/2019 về việc tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019, đơn vị đã triển khai cho các phòng chuyên môn thực hiện bám sát nội dung kế hoạch đề ra.

- Kế hoạch số 11/KH-TTr ngày 15/02/2019 về kiểm tra tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính, tình hình tổ chức và hoạt động, thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 của các phòng thuộc Thanh tra tỉnh.

- Kế hoạch số 11/KH-TĐTTr ngày 31/01/2019 phát động phong trào thi đua năm 2019.

- Kế hoạch số 23/KH-TTr ngày 28/12/2018 Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2019.

- Kế hoạch số 24/KH-TTr ngày 28/12/2018 chuyển đổi vị trí việc làm năm 2019 kèm theo danh sách và thời gian định kỳ chuyển đổi.

- Quyết định số 01/QĐ-TTr, ngày 07/01/2019 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng kinh phí, tài sản công tại Thanh tra tỉnh.

## II. Kết quả chủ yếu đạt được

### 1. Đối với báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh

Thực hiện việc phân cấp quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 23, khoản 3 Điều 26 Luật Thanh tra và Điều 10, 11 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.

### 2. Đối với báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của đơn vị

#### a. Thông tin chung

STT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Lê Trọng Nguyên	Chánh Thanh tra	<a href="mailto:ltnguyen@soctrang.gov.vn">ltnguyen@soctrang.gov.vn</a>
2	Công chức phụ trách tham mưu CCHC	Châu Nhựt Thanh	Thanh tra viên	<a href="mailto:cnthanh@soctrang.gov.vn">cnthanh@soctrang.gov.vn</a>
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Đình Quốc Bình	Chuyên viên	<a href="mailto:dqbinh@soctrang.gov.vn">dqbinh@soctrang.gov.vn</a>
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa	Lê Thị Bé Hai	Thanh tra viên	<a href="mailto:ltbhai@soctrang.gov.vn">ltbhai@soctrang.gov.vn</a>

#### b. Kết quả đạt được trong triển khai 06 nhiệm vụ CCHC

Kèm biểu mẫu.

## III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Ưu điểm

Được sự quan tâm của UBND tỉnh, lãnh đạo Thanh tra tỉnh, công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính có nhiều đổi mới, sáng tạo và quyết liệt bám

sát chủ trương của Chính phủ xây dựng, kiến tạo và phục vụ nhân dân, đóng góp quan trọng vào kết quả thực hiện cải cách hành chính tại đơn vị.

Việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác cải cách hành chính đã mang lại nhiều kết quả tích cực, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, nâng cao tỷ lệ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan.

Ngay từ đầu năm đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện cải cách hành chính, kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, kế hoạch duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 năm 2019, có giải pháp tích cực trong việc thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, hoàn thành đạt chất lượng việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính của đơn vị theo chỉ tiêu quy định.

## 2. Hạn chế và nguyên nhân

Chưa triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 do đặc thù của các thủ tục hành chính ngành thanh tra.

## IV. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong việc thực hiện công tác cải cách hành chính, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính, việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức cơ quan.

2. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong và ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động. Thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cải cách hành chính, nghiệp vụ tiếp nhận và trả kết quả, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Xem xét thay thế ngay đối với công chức không đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm giao tiếp hạn chế. Kiên quyết xử lý trách nhiệm đối với những cá nhân không quan tâm, thờ ơ với công tác cải cách hành chính.

3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; rà soát đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện niêm yết công khai, bảo đảm đầy đủ các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa được thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào toàn bộ hoạt động của đơn vị.

Trên đây là kết quả thực hiện cải cách hành chính của Thanh tra tỉnh 6 tháng đầu năm 2019, Thanh tra tỉnh báo cáo Sở Nội vụ./.

### Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- BLĐ TTr tỉnh;
- Lưu: VP, CCHC *LL*





## Biểu mẫu 1B

### Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính sở, ban ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện

STT	Nội dung thống kê <sup>1</sup>	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	0		0		
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0		0	0	
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	0		0	0	
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0				
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	0				

<sup>1</sup> Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.



## Biểu mẫu 2B

### Thông kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

STT	Nội dung thông kê	Tổng số	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND</b>	<b>0</b>	
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo		
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra		
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định		
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>	<b>0</b>	
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền		
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật		
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý		
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo		
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	1	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	1	Các văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	0	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	Nêu rõ số lượng trên tổng số văn bản cần xử lý



### Biểu mẫu 3B

## Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	Kế hoạch số 07/KH-TTr ngày 14/02/2019 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2018
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC <sup>2</sup>	10	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử <sup>3</sup>	10	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	

<sup>2</sup> UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

<sup>3</sup> UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn



### Biểu mẫu 4B

## Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang <sup>4</sup>	Số TTHC liên thông dọc <sup>5</sup>	
<i>I</i>	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh</i>								<i>Nêu quyết định công bố</i>	
1	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	2	0		2	0			QĐ số 787/QĐ-UBND	
2	Lĩnh vực giải quyết Tố cáo	1	0		1	0				
3	Lĩnh vực Tiếp công dân	1	0		1	0				
4	Lĩnh vực xử lý đơn thư	1	0		1	0				
5	Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng	5	0		5	0			QĐ số 786/QĐ-UBND	
<b>Tổng số = (I) + (II) + (III)</b>		<b>10</b>	<b>0</b>		<b>10</b>	<b>0</b>				

<sup>4</sup> Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC.

<sup>5</sup> Liên thông giữa các cấp hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC.



### Biểu mẫu 5B

## Thống kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trá đúng hạn	Trá quá hạn <sup>6</sup>	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn <sup>7</sup>	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
<b>I</b>	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan tỉnh</i>	15	0	15	15	15		0	0		
	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện</i>										
<b>II</b>	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã<sup>8</sup></i>										
<b>Tổng số = (I) + (II)</b>											

<sup>6</sup> Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

<sup>7</sup> Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

<sup>8</sup> UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý





### Biểu mẫu 6B

## Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại Thanh tra tỉnh

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc <sup>9</sup>		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện		Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã		Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình hình biên chế		Ghi chú				
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tình gian					
			Đủ chuẩn		Thiếu chuẩn <sup>10</sup>		Đủ chuẩn		Thiếu chuẩn <sup>11</sup>				Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn <sup>12</sup>	Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn <sup>13</sup>
<b>I</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>-1</b>			<b>13</b>	<b>-1</b>			<b>30</b>	<b>-1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<b>Tổng số = (I) + (II) + (III)</b>															

<sup>9</sup> Nêu lý do tăng, giảm (do sắp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

<sup>10</sup> Thông kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

<sup>11</sup> Thông kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

<sup>12</sup> Nêu rõ thiếu chuẩn nào

<sup>13</sup> Nêu rõ thiếu chuẩn nào



## Biểu mẫu 7B

### Thông kê số liệu về CBCCVC tại Thanh tra tỉnh

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyên đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyên công tác CB, CC, VC <sup>15</sup>	Nâng lương theo thâm quyền	
		Biên chế	HD chuyên môn		Đào tạo <sup>16</sup>	Bồi dưỡng nghiệp vụ <sup>17</sup>	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyên đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng <sup>18</sup>	Không qua thi tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên <sup>19</sup>		TX <sup>20</sup>	TH <sup>21</sup>
I	Thanh tra tỉnh	30	5	35		5		0	0				0	0	3	3	3

<sup>14</sup> Thông kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

<sup>15</sup> Thông kê chi tiết tại đây

<sup>16</sup> Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

<sup>17</sup> Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

<sup>18</sup> Thông kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

<sup>19</sup> Thông kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

<sup>20</sup> Thường xuyên

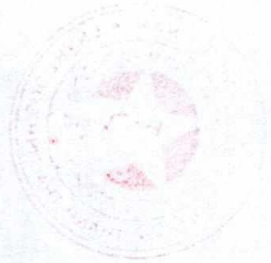
<sup>21</sup> Trước hạn



### Biểu mẫu 8B

**Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức,  
công vụ tại các đơn vị, địa phương**

STT	Nội dung thông kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	1	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	Không có đơn vị sự nghiệp
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	0	Không có đơn vị sự nghiệp
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	Không có đơn vị sự nghiệp
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	Không có đơn vị sự nghiệp





### Biểu mẫu 9B

## Thống kê số liệu về cải cách tài chính công tại sở ngành, UBND cấp huyện

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	0	0	Không có đơn vị sự nghiệp
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	0	0	Không có đơn vị sự nghiệp
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	0	0	



### Biểu mẫu 10B

**Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Thanh tra tỉnh**

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú
		Tổng số văn bản đi	Trong đó			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận		
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	
<i>I</i>	<i>Thanh tra tỉnh</i>	<i>419</i>	<i>226</i>	<i>193</i>	<i>419</i>	<i>0</i>	<i>0</i>			<i>0</i>	<i>0</i>		
	<b>Tổng</b>												



### Biểu mẫu 11B

**Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại các đơn vị, địa phương**

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<i>I</i>	<i>Cơ quan cấp tỉnh</i>	7	0	15	
	Tổng (I) + (II) + (III)				



**Biểu mẫu 13B**

**Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại Thanh tra tỉnh**

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống</b>		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO		
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO		
<b>II</b>	<b>Duy trì, cải tiến hệ thống</b>		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	Quyết định 115/QĐ-TTr ngày 29/11/2018
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	
5	Nội dung khác		



**Biểu mẫu 14**

**Thống kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú <sup>22</sup>
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết <sup>23</sup>			
I	Cấp tỉnh	9	2	7 (Đã chuyển 7)	9		

<sup>22</sup> Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

<sup>23</sup> Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp